

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 572/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 15 – 12 – 2017

V/v “tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cảnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tiến.

2. Ông Nguyễn Văn Mua.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 12 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 463/2017/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2017 về việc tranh chấp “Ly hôn, nuôi con và cấp dưỡng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 267/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trương Thị Kim C (H)**, sinh năm 1976 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp B, xã P, huyện H, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1975 (có mặt).

Nơi cư trú: ấp M, xã T, huyện B, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 25/9/2017 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Trương Thị Kim C trình bày:

Trên cơ sở tìm hiểu, quen biết nhau, được sự đồng ý của gia đình chị C và anh T tổ chức lễ cưới vào năm 1997, chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn. Chị C và anh T sống hạnh phúc được khoảng 18 năm thì phát sinh mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, anh T không quan tâm đến đời sống gia đình, nên chị C và anh T sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Chị C nhận thấy không còn tình cảm với anh T nên yêu

cầu ly hôn. Về con chung, trong quá trình chung sống, chị C và anh T có với nhau một người con chung tên Phạm Tân S1, sinh ngày 28/10/1998; con chung đã trưởng thành, chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản khai ngày 23 tháng 11 năm 2017 và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án bị đơn là anh Phạm Văn T trình bày:* Anh T thống nhất với lời trình bày của chị C về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn; về con chung, tài sản chung; nghĩa vụ chung về tài sản. Anh T và chị C ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Về con chung, đã trưởng thành, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

+ Nguyên đơn là chị C đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án bao gồm: Đơn khởi kiện của chị C, ghi ngày 25/9/2017; bản tự khai của Phạm Tân S1, ghi ngày 25/9/2017; Công văn số 147/UBND ngày 25/9/2017 v/v xác nhận hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã M; bản sao giấy khai sinh của Phạm Tân S1; Đơn yêu cầu xác nhận nơi cư trú của đương sự tại địa phương, ghi ngày 25/9/2017; bản sao giấy chứng minh nhân dân của chị C; bản sao sổ hộ khẩu của chủ hộ Trần Thị N; 01 phiếu dịch vụ chuyển phát nhanh.

+ Bị đơn là anh T nộp: Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt tại các phiên họp, hòa giải và xét xử tại Tòa án các cấp; bản sao giấy chứng minh nhân dân của anh T, bản tự khai ngày 23/11/2017.

- Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh:

+ Tại công văn số 147/UBND ngày 25/9/2017 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện B v/v xác nhận hộ tịch trả lời như sau: Qua trích lục sổ bộ kết hôn lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã M không tìm thấy tên Trương Thị Kim C, sinh năm 1976, chồng tên Phạm Văn T, sinh năm 1974.

+ Về con chung: Chị C trình bày anh chị có một người con chung tên Phạm Tân S1, sinh ngày 28/10/1998. Theo giấy khai sinh của Phạm Tân S1 (bản sao, có xác nhận của chính quyền địa phương) do chị C giao nộp cho Tòa án thì xác định chị C và anh T là cha, mẹ ruột của Phạm Tân S1 nên tình tiết, sự kiện này đương sự không cần phải chứng minh.

- Các tình tiết, sự kiện mà các bên đương sự thống nhất, không thống nhất:

Về hôn nhân: Chị C và anh T thống nhất xác định chị và anh T sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Về con chung, có một người con chung tên Phạm Tân S1, sinh ngày 28/10/1998. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết*: Theo nội dung đơn khởi kiện chị C yêu cầu được ly hôn với anh T là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bình, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2]. *Về trình tự, thủ tục tố tụng*: Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các tài liệu chứng cứ do đương sự tự giao nộp, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ; các bên đương sự là người đã thành niên, không bị nhược điểm về thể chất tâm thần nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp phải tham gia kiểm sát việc tuân thủ theo pháp luật tại phiên tòa, theo quy định tại khoản 2 Điều 21 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. *Về nội dung vụ án*:

- Về hôn nhân: Chị C và anh T qua quen biết, tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào năm 1997, chung sống với nhau như vợ chồng, không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến cự cãi và mất hạnh phúc; chị C và anh T sống ly thân từ tháng 12 năm 2016 cho đến nay, anh chị không tự hàn gắn được. Chị C và anh T đều đồng ý ly hôn. Tuy nhiên, do chị C và anh T không đăng ký kết hôn mà sống chung với nhau như vợ chồng. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 9, khoản 7 Điều 3 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C với anh T.

- Về con chung: Chị C và anh T có một người con chung tên Phạm Tân S1, sinh năm 1998; Phạm Tân S1 đã trưởng thành không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị C và anh Tân cùng thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 3, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Kim C.

- Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trương Thị Kim C với anh Phạm Văn T.

- Về con chung: Chị Trương Thị Kim C với anh Phạm Văn T thống nhất trình bày con chung tên Phạm Tân S1 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Trương Thị Kim C với anh Phạm Văn T thống nhất trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Chị Trương Thị Kim C phải nộp số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000^d (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số N^o 0010345 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình nên chị Trương Thị Kim C không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Văn Cảnh